**PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY**
**THERAVĀDA**
-----

# TÀ KIẾN *(MICCHĀ DIṬṬHI)* VÀ CHÁNH KIẾN *(SAMMA DIṬṬHI)*

Bhikkhu Nāga Mahā Thera – Tỳ khưu Bửu Chơn

---

Tác phẩm 11 trong quyển

***Toàn tập***

**TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG BỬU CHƠN**

***(NĀGA MAHĀ THERA)***

Xuất bản năm Dl. 2016 – Pl.2559

# MỤC LỤC

## Lời Nói Đầu

Đời mỗi ngày mỗi tấn hoá nào y học gia và khoa học gia chế tạo ra đủ thứ vitamin để bồi bổ sức lực tinh thần, và chế đủ các thứ cơ khí nhất là nguyên tử và hoả tiễn cũng không ngoài nhu cầu hạnh phúc cho nhân loại và ngăn ngừa kẻ địch.

Thế thì người tu Phật trên khắp thế giới cũng lần hồi tấn hoá thay đổi chí hướng theo trào lưu xã hội, nên có rất nhiều nhà học Phật khảo cứu phiên dịch ấn tống đủ các loại kinh sách cũng không ngoài mục đích đem lại sự bồi bổ tinh thần và hạnh phúc cho nhân loại và cốt ý để chống lại với quân địch là tâm hồn đầy dẫy điều tội lỗi, phiền não, tà kiến, vô minh. Vì vậy mà bần tăng cũng cố gắng khảo cứu sưu tầm những tài liệu cần thiết để giúp thêm một phần ánh sáng nào cho người tầm chân lý.

Quyển kinh Tà kiến và Chánh kiến ra đời để phá tan những tư tưởng và quan niệm sai lầm của những người tà kiến và lái con thuyền bát nhã trực chỉ thẳng đến Níp-bàn của người chánh kiến.

Bần tăng phiên dịch theo Nam phạn Pāḷī trong Tam tạng. Quyển kinh này chia làm hai đoạn: đoạn đầu thuộc về tà kiến rất vi tế, khó nghe, khó hiểu, vì những kiến thức, tư tưởng lạ lùng, khó khăn, rắc rối, ẩn trú trong những quan niệm cực kỳ vi tế, chỉ có Đức Phật mới thấy được những tư tưởng sai lầm ấy rồi đem ra giảng giải cho các hàng Thanh văn được tỏ ngộ mà xa lánh và dứt bỏ. Đoạn sau thuộc về chánh kiến chia ra con đường chơn chánh cho người Phật tử hành theo khỏi phải bị sai lạc.

Sự phiên dịch rất khó khăn vì trong Phật ngôn hay lặp đi lặp lại, bần tăng tuỳ tiện mà thâu ngắn lại cho khỏi chán tai, cầu xin quý vị cao tăng, thiền đức thấy có chỗ nào còn sơ sót xin chỉ dạy để tu chỉnh lại cho được hoàn mỹ.

Phần công đức này xin dâng đến các bậc thầy tổ và song thân, và cũng hồi hướng quả lành này cho tất cả chúng sanh ba giới bốn loài đều được thọ hưởng tuỳ ý và cầu xin cho được có chánh kiến để tu hành cho mau đến bờ giác ngộ.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tấm lòng thành kính.

Bhikkhu Nāga Mahā Thera – Tỳ khưu Bửu Chơn

*Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa*

*Xin thành kính làm lễ đến Đức Thế Tôn, Ngài là bậc A-la-hán, là bậc Chánh Biến Tri.*

---

## Tà Kiến (Micchā Diṭṭhi)

Nguyên nhân Đức Phật dạy bộ kinh này là một hôm Ngài cùng năm trăm vị tỳ khưu tăng đang hành trình trong xứ Rājagaha (Vương Xá thành); lúc đó có hai thầy trò người tu ngoại đạo (*paribbājaka*) đi sau Đức Phật và chư tăng. Thầy thì chê bai, nói xấu Phật đủ điều còn trò thì khen ngợi, tán dương Đức Phật đủ điều, vì cớ ấy mà hai thầy trò cãi lộn, bất đồng ý kiến với nhau mãi. (Bộ kinh Brahmajāla Sutta. Tam tạng 14 trang 31đến 99)

Khi Đức Phật đến vườn Ambalaṭṭhikā, Đức Phật và chư tăng tạm nghỉ nơi ấy. Lúc ấy chư tăng cu hội nơi nhà khách mới bàn luận với nhau về vụ hai thầy trò cãi lộn thấu đến 'nhĩ thông' Đức Phật, Ngài bèn ra khách đường gọi các thầy tỳ khưu lại mà nói rằng: "Này các thầy tỳ khưu, người thường nhơn có tán dương khen ngợi Như Lai trong phạm vi giới hạnh chút ít thôi chứ không thể nào hiểu thấu đến tuệ giác của Như Lai là pháp thậm thâm, vi tế, cao thượng, thanh tịnh mà người thường nhơn không thể nào tưởng tượng hoặc suy nghĩ, mà hiểu biết được, tuệ giác ấy là thế nào?"

Tuệ giác của Đức Phật là *anantaññāna* (vô lượng vô biên) hay là *sappaññūtaññāna* (toàn giác). Nhưng đây chỉ giải về tuệ biết rõ tất cả "tà kiến và chánh kiến" của chúng sanh.

Tất cả chúng sanh trong tam giới vì chỗ ở, tư tưởng, hiểu biết, căn cơ và trình độ đều khác nhau nên mới phát sanh lên nhiều thứ kiến thức (sự hiểu biết và nhận thức nơi tâm) khác nhau; nếu nói tóm lại thì chỉ có hai là "tà kiến và chánh kiến".

Tà kiến lại chia ra làm hai loại: **thường kiến** (*sassata diṭṭhi*) và **đoạn kiến** (*uccheda diṭṭhi*). Thường kiến là sự hiểu biết cho rằng: trời, người hay thú khi mãn kiếp này cũng tái sanh y như trước vậy, chứ không hề tiến hoá hoặc thối hoá. Đoạn kiến là sự hiểu biết rằng con người khi chết đi thì mất luôn, chứ không có tái sanh lại ở đâu cả.

Đoạn kiến lại chia làm ba loại là: *vô hành kiến* (*akiriyā diṭṭhi*), *vô nhân kiến* (*ahetuka diṭṭhi*), *vô quả kiến* (*natthika diṭṭhi*). Vô hành kiến là sự hiểu biết rằng: con người làm tội cũng không gọi là làm tội, làm phước cũng không gọi là làm phước, ví như có người sát hại loài người bằng khí giới tinh xảo cũng không gọi là ai giết ai, vì con người gồm có bảy chất là đất, nước, lửa, gió, không khí, thức

và sự sống[1] khi có ai dùng khí giới chém giết người đó thì khí giới ấy chỉ đi xuyên qua các nguyên chất ấy thôi nên không có gọi là ai giết ai cả[2] hoặc có người đi qua phía bên kia sông Hằng rồi làm tội, phước chi cũng không có lợi ích chi cả, hoặc có người tự mình hoặc xúi biểu kẻ khác hãm hại cắt tay, chân người v.v… những sự làm ấy cũng không kết quả chi. Vô nhân kiến là sự hiểu biết rằng: con người thấp hèn, cao thượng, trong sạch hoặc nhơ bẩn, tiến hoá hoặc thối hoá; sự vui sự khổ đều không có nguyên nhân nào tạo ra cả, con người dầu kẻ thiện kẻ ác, khi tái sanh trong vòng sanh tử luân hồi, đúng thời kỳ nhất định lối 8 triệu kiếp thì sẽ tự nhiên dứt khổ mà được giải thoát.[3] Vô quả kiến là sự hiểu biết rằng: con người dầu hành thiện hoặc ác, cũng không có trả quả như tế lễ cúng bái, bố thí, tế thần lửa, thờ cha kính mẹ, quả tội quả phước cũng không sao cả, các bậc sa-môn ráng hành đạo cho đặng giác ngộ cũng không có quả báo chi, con người khi chết đi thì thân tứ đại trở lại đồng hoá với vũ trụ, tội phước chi cũng chấm dứt nơi ấy. Ba loại kiến thức này đều thuộc về đoạn kiến tội nặng nhất không tội nào sánh bằng.

### A. Kiến thức thường thấy ngũ uẩn ở thời quá khứ, gồm có 18 điều:

Theo trong bộ kinh Brahmajala Sutta, Đức Phật chia kiến thức đến 62 thứ nữa như vầy: Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn nhớ đặng ngũ uẩn kiếp quá khứ, thường thường thấy ngũ uẩn quá khứ, rồi do nơi sự thấy ngũ uẩn quá khứ ấy mà tuyên bố nhiều kiến thức theo mười tám nguyên nhân sau đây. Mười tám nguyên nhân ấy là thế nào?

**1.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn là người '**thường kiến**' thường công bố '*cái bản ngã (ta) và vũ trụ là trường tồn*', do bốn nguyên nhân (chia ra trong 18 nguyên nhân trước).

– Này các thầy tỳ khưu, trong cõi thế gian này có ít người sa-môn hoặc bà-la-môn do nhờ sự tinh tấn thiêu đốt phiền não, do tâm an trụ, do nhờ sự tinh tấn luôn luôn, do sự không dể duôi, do sự chú tâm tốt đẹp mà được đắc thiền theo như ý muốn của hành giả. Khi tâm được an trụ vững vàng, trong sạch không tuỳ phiền não, nên nhớ được những tiền kiếp quá khứ, là nhớ được 1, 2, 3, 4, 5, 10, 50, 100, 1000. 100000 kiếp như vầy: 'Ta đã sanh trong cảnh giới đó, tên họ như thế này, màu da như thế này, vật thực như thế này, hưởng lấy sự vui, khổ và tuổi thọ như thế này, khi ta xa lìa kiếp ấy lại tái sanh ra chỗ đó cũng biết rõ tên họ màu da v.v... khi hết tuổi thọ ở cảnh giới đó lại sanh ra trong cảnh giới này'.

---

[1] Theo sự hiểu biết của ngoại đạo.

[2] Đây là sự hiểu lầm luận cho thật cao về lý vô ngã thành ra tà kiến.

[3] Đây là kiến thức hiểu biết của những hạng người cho rằng: vũ trụ chỉ có sự tấn hoá luôn chứ không có sự thối hoá.

Nhớ rõ những kiếp đã sanh trong quá khứ luôn cả mỗi cơ thể và chi tiết như thế ấy, người ấy mới nói như vầy: 'Rõ ràng bản ngã của ta và vũ trụ có trạng thái trường tồn, cũng không có giống (nhân) không có quả của giống nối tiếp[4], thường trụ vững như núi non, như thạch trụ'.
Vì những chúng sanh ấy bằng phiêu lưu luân chuyển tới lui trong vòng sanh diệt, trường tồn cũng như vật trong vũ trụ[5] . Trong vấn đề này, tại sao vậy? Vì chính ta nhờ sự cố gắng mà đắc thiền nên thấy những tiền kiếp, mọi cơ thể và chi tiết của mỗi kiếp, bởi vì do nhờ túc mạng minh này mà ta mới biết được những ngũ uẩn trong kiếp quá khứ. Bản ngã và vũ trụ là vật trường tồn, không có giống, không có quả của giống nối tiếp, thường trụ vững chắc như núi non, như thạch trụ. Này các thầy tỳ khưu đây là nguyên nhân thứ nhất của thường kiến vậy.

– Này các thầy tỳ khưu, có những người sa-môn và bà-la-môn trong thế gian này, do nhờ sự cố gắng thiêu đốt phiền não, do tâm an trụ, do nhờ sự tinh tấn luôn luôn, do nhờ sự không dể duôi, do sự chú tâm tốt đẹp mà được đắc thiền như ý muốn của hành giả. Khi tâm được an trụ như thế, có thể nhớ được nhiều ngũ uẩn trong tiền kiếp là nhờ được ngũ uẩn đã sanh ra trong 1, 2, 3, 4, 5, 10 kiếp thành, kiếp hoại[6] như vầy: 'Ta đã sanh trong cảnh giới đó, màu da như thế này, vật thực như thế này, hưởng sự vui, khổ và tuổi thọ như thế này; khi ta xa lìa kiếp ấy lại tái sanh ở nơi cảnh giới đó đó cũng biết rõ tên họ màu sắc v.v… khi mãn tuổi thọ trong cảnh giới đó, tái sanh lại cảnh giới này'.

Nhớ rõ những ngũ uẩn đã sanh ra trong kiếp quá khứ luôn cả cơ thể và chi tiết như thế ấy, người ấy mới công bố như vầy: 'Rõ ràng bản ngã của ta và vũ trụ có trạng thái trường tồn, không có giống (nhân) cũng không có quả để nối tiếp, thường trụ vững chắc như núi non, như thạch trụ'.

Vì những chúng sanh ấy hằng phiêu lưu, luân chuyển tới lui trong vòng sanh diệt được trường tồn cũng như vật trong vũ trụ. Trong vấn đề này, tại sao vậy? Vì chính ta nhờ sự cố gắng mà đắc thiền nên thấy rõ mỗi tiền kiếp nào cơ thể và chi tiết, cũng do nhờ túc mạng minh mà ta biết được những kiếp trong quá khứ. Bản ngã và vũ trụ là vật trường tồn, không có giống, không có quả của giống nối tiếp, thường trụ vững chắc như núi non, như thạch trụ. Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ nhì của thường kiến vậy.

---

[4] Chú giải: người ấy chỉ thấy được tiền kiếp thôi, chứ không thể thấy luôn nhân quả nào mà được sanh lại mãi mãi như thế, cũng không cho rằng: do nhờ các quả lành nhất là thiền định có thể sanh về sắc giới, vì không tin có quả chi nối tiếp, ví cũng như người không con hay cây không trái vậy.

[5] Như vật trong vũ trụ là: núi Tu Di, mặt nhựt, mặt nguyệt đều là vật thường trụ vì con người sanh lên lúc nào cũng thấy (đây là do sự so sánh của tà kiến vậy thôi), có nhựt, nguyệt luôn luôn.

[6] Kiếp có bốn là: thành, trụ, hoại, không. Bốn tiểu kiếp thành một đại kiếp (tuổi của một quả địa cầu).

– Nguyên nhân thứ ba của thường kiến cũng giống như cách giải của thứ nhất thứ nhì, chỉ có thấy khác chỗ thấy được nhiều kiếp hơn, là thấy từ 10, 20, 30, 40 kiếp thành và kiếp hoại.

– Này các thầy tỳ khưu, trong cõi thế gian này, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn là người thường hay tư tưởng, suy xét. Người ấy bèn công bố lên những tư tưởng đã thâu thập do nhờ sự suy nghĩ, quán tưởng phát sanh lên do nơi trí hoá của mình rồi cho rằng: 'Rõ ràng bản ngã và vũ trụ có trạng thái trường tồn, không có giống (để sanh), không có quả của giống để nối tiếp[7]; nhưng thường trụ như núi non, như thạch trụ'.

Vì những chúng sanh ấy phiêu lưu, luân chuyển tới lui trong vòng sanh diệt thường tồn cũng như những vật trong vũ trụ. Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ tư của nhóm thường kiến vậy.

Này các thầy tỳ khưu, thật ra dẫu cho nhóm sa-môn và bà-la-môn nào khi công bố về thường kiến cũng chỉ công bố theo bốn cách kiến thức trên đây vậy thôi chớ không ngoài bốn cách ấy.

Này các thầy tỳ khưu, Như Lai cũng biết rõ bốn nguyên nhân kiến thức ấy mà con người ưa thích như thế này, có chấp như thế này, có cảnh giới như thế này trong kiếp vị lai. Như Lai biết rõ kiến thức ấy nhưng còn biết ân đức cao thượng hơn đó nữa là (giới, định, tuệ) nên Như Lai mới không có sự cố chấp sai lầm.

Hơn nữa, khi Như Lai không cố chấp sai lầm mới thấy rõ được Níp-bàn là pháp để diệt tắt sự cố chấp lửa phiền não. Đồng thời, cũng biết rõ nguyên nhân để phát sanh lên cái thọ (*vedana*) sự diệt tắt, sự ưa thích, sự tội lỗi, sự giải thoát cái thọ đúng theo chân lý.

2. Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn có kiến thức hiểu biết như vầy: '*Cõi đời (vũ trụ) có cái trường tồn, có cái không trường tồn, công bố cho bản ngã và vũ trụ trường tồn cũng có, không trường tồn cũng có*'. Sự công bố ấy do bốn nguyên nhân:

– Này các thầy tỳ khưu, có một khi vì sự quá lâu của thời gian mà quả địa cầu phải tiêu hoại một lần, một lần. Khi quả địa cầu tiêu hoại đi thì chúng sanh phần nhiều đều sanh về cõi trời Sắc giới tên Abhassara brahma[8]. Chúng sanh, sanh lên cõi này đều do nhờ thiền định, có sự phỉ lạc làm vật thực, có hào quang sáng ánh, bay trên hư không, ngự nơi chỗ tốt đẹp, tuổi thọ sống thật lâu đời. Rồi một khi quả địa cầu này cấu tạo lại thành lên một lần, một lần, do sự quá lâu của thời gian. Khi quả địa cầu này sanh lên thì các cõi trời Sắc giới và

[7] Suy nghĩ nhưng hiểu thấu lý nhân quả. Như hiện nay có nhiều kinh sách giải rõ lý nhân quả mà có người còn không hiểu thấu, không tin thay hà huống gì do sự suy nghĩ mà hiểu được

[8] Cõi này của những bực đắc nhị thiền, tuổi thọ tám kiếp quả địa cầu (*kappa*).

Dục giới ở dưới cũng phát sanh lên nhưng vắng lặng không có một chúng sanh nào ở cả. Lúc sau đó có một chúng sanh trong cõi trời Abhassara Brahma hết phước, hết tuổi thọ của cõi ấy mới sanh xuống cõi trời Sắc giới Brahma trống không ấy. Khi chúng sanh đó sanh trong cõi ấy cũng do nơi tâm thiền định (bậc thấp sơ thiền) nên cũng có phỉ lạc (*piti*) là vật thực, có hào quang sáng ánh, bay trên hư không ngụ nơi tốt đẹp, tuổi thọ sống cũng thật lâu đời[9]. Khi chúng sanh ấy sống thời gian thật lâu trong cõi ấy cùng một điệu bộ mãi mãi mới phát sanh ra sự buồn tẻ bực bội, khó chịu vì sự trùng điệu ấy mới phát sanh lên suy nghĩ như vầy: 'Phải chi có những chúng sanh khác được sanh vào cõi này với mình'.

Kế đó lần lượt có những Chư Thiên trên cõi Abhassara Brahma hết tuổi thọ mới lần lượt sanh vào cõi ấy chung một chỗ với vị trước. Hết thảy những chúng sanh sau ấy cũng do nhờ tâm thiền định, có phỉ lạc làm vật thực, có hào quang sáng ánh, bay trên hư không, ngụ nơi tốt đẹp, tuổi thọ sống thật lâu đời.

Này các tỳ kheo, trong những chúng sanh ấy, chúng sanh nào sanh ra đầu tiên hết mới suy nghĩ như thế này: 'Ta đây là Phạm Thiên, là Đại Phạm Thiên (*Maha brahma*) cai quản các vị Phạm Thiên khác vì ta là người thấy biết mọi điều trước hơn hết, và làm cho tất cả chúng sanh khác phải ở dưới quyền của ta, ta tạo ra cõi đời, ta lớn nhất trong đời, chế định cõi đời[10] là bậc thông thạo, là phụ huynh của hết thảy chúng sanh này cũng đều do nơi ta tạo hoá ra cả. Theo ý kiến này tại sao mà ta nghĩ như vậy. Bởi vì, đầu tiên hết chúng ta suy nghĩ và ước nguyện cho có những chúng sanh, sanh về cõi này, thì tất cả chúng sanh này cũng sanh lại đây theo như ý muốn của ta'[11]. Còn những chúng sanh (Phạm Thiên) nào sanh ra sau đó lại suy nghĩ như vầy: 'Vị này là bậc Đại Phạm Thiên cai quản các Phạm Thiên khác là bậc thấy biết mọi việc và làm cho tất cả chúng sanh khác phải ở dưới quyền của mình, là bậc tạo hoá ra cõi đời, lớn nhất trong đời, là bậc phụ huynh của tất cả chúng sanh, chế định cõi đời, là bậc thạo đời, hết thảy chúng ta đây đều do nơi vị đại Phạm Thiên này tạo ra. Tại sao vậy? Bởi vì, chúng ta thấy ngài ở trong chỗ này trước, còn chúng ta lại sanh ra sau'.

Này các thầy tỳ khưu, trong hàng chúng sanh đó, chúng sanh nào sanh ra trước thì tuổi thọ cũng lâu hơn, màu sắc cũng tốt hơn, địa vị cũng cao hơn; còn chúng sanh nào sanh ra sau thì mỗi mỗi đều kém hơn cả. Này các thầy tỳ khưu, vì đó mà nguyên nhân này rất rõ rệt là khi có một chúng sanh nào trong cõi Phạm Thiên mãn tuổi thọ phải sa xuống cảnh trần gian sanh ra làm người, lúc lớn

---

[9] Tuổi thọ sống một kiếp hoặc nửa kiếp của quả địa cầu.

[10] Là đặt tên chúng sanh ra: vua, quan, bà-la-môn, thương gia, nô lệ, người tại gia và bậc xuất gia v.v…

[11] Vì kiến thức này mà Ấn giáo (Hinduism) thờ kính trời đại Phạm thiên (Maha brahma) cho là một vị chúa tể tạo hoá ra vạn vật, không còn ai lớn hơn nữa, do đó mà họ cho dòng Bà la môn cao thượng hơn hết nên cố chấp nòi giống, rồi lần lần chia ra nhiều nòi giống khác nhau.

lên xuất gia đi tu, khi tu xong do nơi sự cố gắng thiêu đốt phiền não, do sự ráng chú tâm, do sự tinh tấn luôn luôn, do sự không dể duôi, do sự chú tâm tốt đẹp mà đắc được pháp thiền định như ý muốn. Khi tâm đã an trụ như thế rồi nên có thể nhớ được tiền kiếp, chỉ nhớ được một kiếp khi sanh ở cõi trời Phạm Thiên thôi không có thể nhớ hơn kiếp ấy. Chúng sanh ấy mới tuyên bố nói ra như vầy: 'Vị Phạm Thiên nào gọi là bậc Đại Phạm Thiên cai quản các vị Phạm Thiên khác, là bậc hiểu thấy mọi việc, làm cho tất cả chúng sanh phải ở dưới quyền của mình, là vị chúa tể, là bậc tạo hoá ra cõi đời, là đàn anh, là bậc chế định ra cõi đời, là bậc thông thạo đời, là bậc phụ huynh của chúng ta, do ngài tạo ra chúng ta, vì ngài là bậc trường tồn không thay đổi bền vững cũng như vật trên vũ trụ[12]. Còn chúng ta đây do nơi ngài tạo ra nên không được bền vững lâu dài tuổi thọ vắn, phải sa đọa (chết) là lẽ thường, vì vậy ta mới sanh xuống cõi trần gian làm người hiện nay'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ nhất mà có một nhóm sa-môn và bà-la-môn do đó công bố ra kiến thức trường tồn cũng có, không trường tồn cũng có.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm Chư Thiên là người bị hoại vì ham chơi (*khiddh padosika*) nhóm Chư Thiên này vì do bận rộn mê thích trong sự chơi đùa, cười giỡn suốt ngày, quá giờ quên ăn nên phải sa đọa xuống trần gian sanh làm người khi lớn lên xuất gia đi tu do nhờ sự cố gắng chú tâm tốt đẹp nên đắc được thiền định.

Khi tâm được an trụ trong sạch mới nhớ được tiền kiếp, những chỉ nhớ được trong phạm vi một kiếp làm Chư Thiên ấy thôi, không làm sao nhớ thêm nữa được. Chúng sanh ấy mới tuyên bố như vầy: 'Này các người ơi! Nhóm Chư Thiên nào mà không mê thích theo sự nô đùa cười giỡn quá giờ, không quên mình. Khi không quên mình nên khỏi phải sa đọa xuống trần gian, là bực được thường tồn, bền vững như vật trên vũ trụ. Còn chúng ta đây là người bị hoại vì ham mê trong sự chơi bời quá độ, nên chúng ta quên mình mà phải sa đọa xuống trần gian. Vì thế chúng ta không được bền vững, tuổi thọ vắn, phải sa xuống sanh làm người nơi cõi thế gian này'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ nhì mà có nhóm sa-môn và bà-la-môn công bố ra kiến thức bản ngã và vũ trụ trường tồn hoặc không trường tồn cũng có.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm Chư Thiên là người hay sân hận (*mano padosikā*), hay kiếm lỗi xấu của người quá thì giờ nên tâm sanh lên sân hận hãm hại lẫn nhau. Khi đã hãm hại lẫn nhau rồi thì làm cho thân và tâm phải

[12] Vì tuổi thọ của Đại Phạm thiên sống lâu đến một kiếp của quả địa cầu nên người sau mới thấy luôn luôn còn bền vững do nhờ thiền định mà thấy rõ rệt nhưng chỉ trong phạm vi một kiếp trước, nên mới tuyên bố theo sự thấy của mình và phát sanh ra quan niệm "thường kiến".

đau khổ, nên phải sa đọa xuống trần gian. Này các thầy tỳ khưu, khi Chư Thiên ấy sa xuống thế gian làm người lúc lớn lên xuất gia đi tu, do nhờ sự cố gắng chủ tâm tốt đẹp nên đắc được thiền định. Khi tâm được an trụ mới nhớ được tiền kiếp, chỉ nhớ được có một kiếp sanh làm Chư Thiên chớ không thể nào thêm nữa được. Chúng sanh ấy mới tuyên bố như vầy: 'Này các người ơi! Nhóm Chư Thiên nào không sân hận, không hay rầy rà, kiếm lỗi cãi cọ nhau quá giờ khắc, nên không bị sa đọa xuống trần gian, nhóm Chư Thiên ấy được thường trụ, trường tồn không thay đổi như vật trên vũ trụ. Còn chúng ta đây là người bị hoại phải sa đọa xuống trần gian vì sự sân hận kiếm lỗi rầy rà cãi cọ hãm hại lẫn nhau quá giờ khắc nên phải khổ thân tâm mà bị sa đoạ, không được bền vững, tuổi thọ vẫn phải sanh xuống làm người'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ ba mà có nhóm sa-môn và bà-la-môn công bố ra kiến thức bản ngã và vũ trụ trường tồn hoặc không trường tồn cũng có.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn trên đời này, thường suy nghĩ và tư tưởng (*thinker*) người ấy mới tuyên bố ra sự hiểu biết do theo ý kiến sưu tầm, dò xét, suy nghĩ, quán tưởng của mình như vầy: 'Các pháp nào gọi là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đều có trạng thái vô thường luôn luôn thay đổi. Còn pháp nào gọi là tâm, ý thức, pháp ấy có trạng thái trường tồn, không thay đổi, thường trụ như vật trên vũ trụ'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ tư mà có nhóm sa-môn và bà-la-môn công bố ra kiến thức về bản ngã và vũ trụ trường tồn hoặc không trường tồn cũng có.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn nào khi công bố ra "kiến thức về bản ngã và vũ trụ trường tồn hoặc không trường tồn cũng có, đều do nơi bốn nguyên nhân ấy chứ không ngoài nguyên nhân ấy được.

**3.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn là người có kiến thức **antananta diṭṭhi** như vầy: '*vũ trụ (đời) này có chỗ cuối cùng (gián đoạn) và có chỗ không cuối cùng*' do nơi bốn nguyên nhân là:

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn trên đời này do nhờ sự tinh tấn thiêu đốt phiền não, do sự ráng sức chú tâm, do sự cố gắng luôn luôn, do sự không dể duôi, do sự chú tâm tốt đẹp nên mới đắc được các cõi thiền. Khi tâm được trong sạch an trụ rồi bèn phát sanh lên tư tưởng như vầy: 'Vũ trụ này có chỗ cuối cùng, có đường đi chung quanh (là tròn). Tại sao ta tuyên bố như vậy? Vì chính ta do nhờ sự cố gắng nên đắc các pháp thiền định, khi tâm ta an trụ, ta tưởng tượng hiểu rõ như vậy nơi tâm ta. Nên ta mới công bố ra cho biết vũ trụ này có chỗ cuối cùng'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ nhất mà có nhóm sa-môn và bà-la-môn tuyên bố lên kiến thức vũ trụ có chỗ cuối cùng và không có chỗ cuối cùng.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn trên đời này do nhờ sự cố gắng đúng theo phương pháp nên đắc được các cõi thiền, khi tâm được an trụ bên phát sanh tư tưởng như vầy: 'Vũ trụ này không có chỗ cuối cùng, vô hạn định'. Phe sa-môn nào cho rằng: 'Vũ trụ có chỗ cuối cùng có đường đi chung quan nói như vậy là nói dối. Tại sao ta tuyên bố như vậy? Bởi vì, do nơi tâm thiền định mà tư tưởng ta hiểu rõ, thấy rõ vũ trụ không có chỗ cuối cùng'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ nhì mà có nhóm sa-môn và bà-la-môn tuyên bố ra kiến thức vũ trụ có chỗ cuối cùng và không có chỗ cuối cùng.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn trên đời này, do nhờ sự cố gắng thực hành đúng theo phương pháp nên đắc được các cõi thiền theo thứ tự. Khi tâm được an trụ bèn phát sanh tư tưởng hiểu như vầy: 'Vũ trụ này có chỗ cuối cùng phía trên và phía dưới còn trái lại tám hướng chung quanh không có chỗ cuối cùng'. Người ấy mới công bố như vầy: Nhóm sa-môn nào nói vũ trụ có chỗ cuối cùng hoặc nói ngược lại đều là nói dối cả. Tại sao tuyên bố như vậy? Bởi vì, do nơi tâm thiền định mà tư tưởng ta hiểu rõ rằng: vũ trụ này, phía trên và phía dưới có chỗ cuối cùng còn tám hướng chung quanh thì không có chỗ cuối cùng'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ ba mà có nhóm sa-môn và bà-la-môn công bố lên kiến thức vũ trụ có chỗ cuối cùng hoặc không có chỗ cuối cùng.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn trên cõi đời này thường hay suy nghĩ, quán tưởng luôn luôn (*thinker*), người ấy mới tuyên bố sự hiểu biết do theo ý kiến sưu tầm, suy nghĩ, quán tưởng của mình như vầy: 'Vũ trụ này nói có chỗ cuối cùng cũng không phải, nói không có chỗ cuối cùng cũng không phải vậy'. Phe sa-môn này nói rằng: 'Vũ trụ có chỗ cuối cùng và không có chỗ cuối cùng; hoặc có chỗ cuối cùng cũng có không có chỗ cuối cùng cũng có, đều là nói dối cả. Tại sao ta tuyên bố như vậy? Bởi vì chính ta do nhờ sự suy xét quán tưởng mà ta thấy hiểu rõ rệt rằng: vũ trụ này nói có chỗ cuối cùng cũng không phải, nói không có chỗ cuối cùng cũng không phải vậy'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ tư mà có nhóm sa-môn và bà-la-môn công bố ra kiến thức vũ trụ này có chỗ cuối cùng hoặc không có chỗ cuối cùng và ngược lại (*antananta diṭṭhi*).

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn nào, khi công bố lên về kiến thức antānanta diṭṭhi là vũ trụ có chỗ cuối cùng và không có chỗ cuối cùng cũng đều do nơi bốn nguyên nhân ấy, chứ không ngoài bốn nguyên nhân ấy đâu.

**4.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn là người có kiến thức **amarāvikkhepa diṭṭhi**, là '*hay nói tráo trở*' nếu khi có người hỏi về vấn đề có phước hay tội thì trả lời tráo trở không cho bí lối do bốn nguyên nhân.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn không biết rõ thế nào gọi là phước, thế nào gọi là tội, họ mới suy nghĩ như vầy: 'Ta không biết rõ thế nào là phước và tội, ta phải ngập ngừng bí lối rồi nói càng như vầy là phước, như vầy là tội, nói như vậy thành ra ta nói láo, nếu ta nói láo thì tâm ta phải bực bội, hối hận; mà nếu tâm ta bực bội hối hận cũng là một điều tai hại đến ta'.

Vì suy nghĩ như thế ấy, nên khi có ai hỏi đến vấn đề phước hay tội, muốn không cho bí lối họ mới nói tráo trở rằng: 'Sự hiểu biết của tôi như thế này cũng không, như thế đó cũng không, như kia cũng không. Sự hiểu biết của tôi rằng: không phải cũng không, sự hiểu biết của tôi, không phải cũng không phải vậy'[13].

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ nhất mà có nhóm sa-môn, bà-la-môn về kiến thức tráo trở để trả lời những vấn đền tội phước không cho bí lối.

– Có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn trên đời này không hiểu rõ thế nào là tội hoặc phước, họ mới suy nghĩ như vầy: 'Ta không biêt rõ thế nào là phước và tội, ta phải ngập ngừng bí lối rồi nói càng như vậy là phước như vầy là tội, nói như vậy là tâm ta vì sự ham muốn, mê thích sân hận, bất bình. Mà khi tâm ta ham muốn, mê thích, sân hận, bất bình cũng đều là pháp ngã chấp cũng ta, mà pháp ngã chấp ấy cũng là một pháp tai hại đến ta'.

Vì suy nghĩ như thế nên không dám nói thế nào là phước và tội bởi ghê sợ sự ngã chấp ấy nên khi có ai hỏi đến vấn đề tội phước, muốn cho không bí lối họ mới nói tráo trở rằng: 'Sự hiểu biết của tôi như thế này cũng không, như thế đó cũng không, như thế kia cũng không, không phải cũng không, không phải cũng không, cũng không phải vậy'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhất thứ nhì mà có nhóm sa-môn thiên về kiến thức tráo trở, trả lời câu hỏi về vấn đề tội phước không cho bí lối.

---

[13] Đây là cách trả lời câu hỏi như đời bền vững hay không? Vũ trụ có chỗ cuối cùng không? Hoặc không có chỗ cuối cùng? Chúng sanh khi chết rồi có tái sanh không? Hay là không tái sanh? Hoặc mất luôn, thế nào là tội, phước v.v… Vì không hiểu rõ rệt nên trả lời tráo trở như thế ấy.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn trên đời này không hiểu rõ thế nào là tội hoặc phước, bèn suy nghĩ như vầy: 'Ta không hiểu rõ thế nào tội hoặc phước khi có ai hỏi đến ta vấn đề ấy nếu ta nói càng như vầy là phức như vầy là tội sợ e bực sa-môn, bà-la-môn có trí tuệ sâu xa biết rõ kiến thức của kẻ khác có thể bắt bẻ, phá tan kiến thức ấy, nếu họ đến hỏi ta, bắt bẻ, vấn nạn ta trong vấn đề tội phước ấy thì ta không thể nào trả lời cho suông được, mà nếu ta trả lời không suông thì tâm ta phải bực tức khó chịu, mà pháp bực tức khó chịu cũng là tai hại đến ta'.

Vì sự suy nghĩ như thế ấy nên khi có ai hỏi đến vấn đề phước tội, muốn không cho bí lối, họ mới nói tráo trở rằng: Sự hiểu biết của tôi như thế này cũng không, như thế đó cũng không, như thế kia cũng không, không phải cũng không, hoặc không phải cũng không, cũng không phải vậy'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ ba mà nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn thiên kiến thức tráo trở khi trả lời về vấn đề tội phước không cho bí lối.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn trên đời này là người si mê thiếu trí khi có ai hỏi đến vấn đề tội phước, muốn cho không bí lối mới nói tráo trở rằng: 'Nếu người hỏi tôi kiếp vị lai có hay không? Kiếp vị lai không có phải không? Chúng sanh thuộc về hóa sanh có hay không? Nhân quả thiện ác có hay không? Chúng sanh sau khi chết có tái sanh lại hay không? Sanh lại hoặc không sanh lại cũng không có phải không? Nếu người hỏi tôi như thế thì theo sự hiểu biết của tôi rằng: Khi chúng sanh chết, còn tái sanh lại cũng không phải, mà không tái sanh lại cũng không phải. Sự hiểu biết của tôi như thế này cũng không, như thế đó cũng không, như thế kia cũng không, không phải cũng không, cũng không phải vậy'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ tư mà có nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn thiên về kiến thức tráo trở khi trả lời về những câu hỏi như trên không cho bí lối.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn nào thuộc về 'kiến thức tráo trở' (*amarāvikkhepa diṭṭhi*) khi công bố lên cũng không ngoài bốn nguyên nhân ấy đâu.

**5.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn nào có kiến thức '**adhicca samuppanna diṭṭhi**' cho rằng '*bản ngã và vũ trụ phát sanh lên không do nơi nguyên nhân nào cả*', có hai nguyên nhân.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm Chư Thiên ở cõi trời vô tưởng[14] Asaññīsatta, khi nào có tư tưởng lên rõ rệt thì phải xa lìa cõi ấy sanh xuống

[14] Chư thiên cõi trời này khi ở thế tu đắc thiền vô tưởng nên sanh về cõi ấy không có tư tưởng, như người ngủ mê thật lâu đời; khi nào có tư tưởng hiểu biết trở lại thì phải xa lìa cõi ấy (chết).

trần gian làm người, khi lớn lên xuất gia tu hành do sự cố gắng chân chánh đúng theo phương pháp, đắc được thiền định theo thứ tự. Khi tâm đã an trụ và trong sạch rồi mới nhớ được một kiếp từ khi có tư tưởng thôi, không thể nào nhớ hơn nữa được, họ bèn công bố theo sự hiểu biết rằng: 'Bản ngã và vũ trụ phát sanh lên không có nguyên nhân chi. Tại sao ta nói như vậy? Bởi vì ta nhờ thiền định thấy rõ rằng: khi trước kia, ta không có sanh ra ở đâu cả, chỉ mới sanh ra trong kiếp này mà thôi, và kế tiếp đây ta cũng không sanh lại ở đâu nữa, vì tâm ta đã chú trọng thiên về sự yên lặng rồi'.

Này các thầy tỳ khưu, đây là nguyên nhân thứ nhất, mà có một nhóm sa-môn và bà-la-môn khi tuyên bố về kiến thức bản ngã và vũ trụ phát sanh lên không nguyên nhân vậy.

– Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm người trên đời này là sa-môn và bà-la-môn thường hay suy nghĩ, quán tưởng, người ấy bèn công bố, do sự sưu tầm, suy nghĩ, quán tưởng rằng 'Bản ngã và vũ trụ phát sanh lên không nguyên nhân chi cả'.

Này các thầy tỳ khưu đây là nguyên nhân thứ nhì mà có một nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn khi tuyên bố về kiến thức bản ngã vũ trụ phát sanh lên không do nguyên nhân nào cả.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn và bà-la-môn nào khi công bố về 'kiến thức bản ngã và vũ trụ phát sanh lên không nguyên nhân' cũng không ngoài ra hai nguyên nhân ấy.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho hạng sa-môn hay bà-la-môn nào thuộc về 'kiến thức thường thấy ngũ uẩn ở thời quá khứ' khi công bố lên cũng do nơi 18 nguyên nhân ấy chứ không ngoài 18 nguyên nhân này.

**B. Kiến thức thường thấy ngũ uẩn trong thời kỳ vị lai, có 44 điều:**

Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn là người '**thường thấy ngũ uẩn trong thời kỳ vị lai**' (*aparanta kappadiṭṭhi*), khi tuyên bố về kiến thức ấy đều do nơi bốn mươi bốn nguyên nhân là[15]:

**1.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn thiên về kiến thức **uddhamāghatana diṭṭhi** là '*kiến thức cố chấp cho rằng khi con người chết mà tư tưởng (saññā) hay là linh hồn vẫn còn*', do nơi mười sáu nguyên nhân như sau:

Có một nhóm sa-môn và bà-la-môn công bố ra 16 kiến thức về thời kỳ vị lai như vầy:

[15] Chia ra làm nhiều đoạn khác nhau: như đoạn đầu có 16 loại, kế 8 loại, kế đó 8 loại, 7 loại và 5 loại sau cùng.

– Cho rằng ‘bản ngã này có cái sắc tướng (*rupa*) nhưng vô định và còn linh hồn sau khi chết’.

– Cho rằng ‘bản ngã này không có sắc tướng và vô bệnh, nhưng sau khi chết còn tư tưởng (linh hồn)’.

– Cho rằng ‘bản ngã này có sắc tướng cũng có mà không có sắc tướng cũng có, nhưng vô bệnh và sau khi chết còn tư tưởng (linh hồn)’.

– Cho rằng ‘bản ngã có sắc tướng cũng không phải, mà nói không có sắc tướng cũng không phải vậy’.

– Cho rằng ‘bản ngã này có chỗ cuối cùng’.

– Cho rằng ‘bản ngã không có chỗ cuối cùng’.

– Cho rằng ‘bản ngã có chỗ cuối cùng cũng có và không có chỗ cuối cùng cũng có’.

– Cho rằng ‘bản ngã có chỗ cuối cùng cũng không phải, mà nói không có chỗ cuối cùng không phải vậy’.

– Cho rằng ‘bản ngã có tư tưởng (linh hồn) giống nhau’.

– Cho rằng ‘bản ngã có tư tưởng khác nhau’.

– Cho rằng ‘bản ngã có tư tưởng hẹp hòi (ít oi)’.

– Cho rằng ‘bản ngã có tư tưởng rộng lớn (vô lượng)’.

– Cho rằng ‘bản ngã chỉ có sự an vui (không có khổ)’.

– Cho rằng ‘bản ngã chỉ có sự khổ não (không có sự an vui)’.

– Cho rằng ‘bản ngã có cả sự vui, khổ lẫn lộn nhau’.

– Cho rằng ‘bản ngã không có sự vui, khổ và cũng không có bệnh hoạn, sau khi chết rồi còn tư tưởng (linh hồn)’.

Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn là người thiên về kiến thức ở thời kỳ vị lai khi công bố rằng bản ngã có tư tưởng (linh hồn) sau khi chết cũng tuyên bố do nơi mười sáu nguyên nhân ấy, chứ không thể tuyên bố ngoài mười sáu nguyên nhân ấy đâu.

**2.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn thiên về ‘**kiến thức ở thời kỳ vị lai**’ khi công bố lên do nơi tám nguyên nhân khác nữa là:

– Cho rằng ‘bản ngã này có sắc tướng (*rūpa*) nhưng vô bệnh và không có tư tưởng (linh hồn) sau khi chết’.

– Cho rằng ‘bản ngã này không có sắc tướng, vô bệnh và không có tư tưởng (linh hồn) sau khi chết’.

– Cho rằng ‘bản ngã có sắc tướng cũng có, mà không có sắc tướng cũng có v.v...’

– Cho rằng ‘bản ngã này có sắc tướng cũng không phải, mà không có sắc tướng cũng không phải’.

– Cho rằng ‘bản ngã này có chỗ cuối cùng’.

– Cho rằng ‘bản ngã này không có chỗ cuối cùng’.

– Cho rằng ‘bản ngã này có chỗ cuối cùng cũng có mà không có chỗ cuối cùng cũng có’.

– Cho rằng ‘bản ngã có chỗ cuối cùng không phải, mà nói không có chỗ cuối cùng cũng không phải, nhưng vô bệnh và không có tư tưởng (linh hồn) sau khi chết’.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn hay bà-la-môn nào thuộc về kiến thức ở thời kỳ vị lai, khi công bố về kiến thức ấy cũng không ngoài tám nguyên nhân này vậy.

**3.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn thiên về ‘**kiến thức ở thời kỳ vị lai**’ khi công bố lên rằng ‘*bản ngã sau khi chết, có tư tưởng (linh hồn) cũng không phải, mà nói không có tư tưởng cũng không được’* (nghĩa là tư tưởng hết sức vi tế nhỏ nhen lắm gọi là phi phi tưởng), do tám nguyên nhân là:

– Cho rằng ‘bản ngã này có sắc tướng, nhưng vô bệnh, sau này chết, có tư tưởng cũng không phải, mà nói không có tư tưởng cũng không được.

– Cho rằng ‘bản ngã này không có sắc tướng y như trên v.v...’

– Cho rằng ‘bản ngã này có sắc tướng cũng có, không có sắc tướng cũng có v.v...’

– Cho rằng ‘bản ngã này có sắc tướng cũng không phải mà nói không có sắc tướng cũng không phải v.v...’

– Cho rằng ‘bản ngã này có chỗ cuối cùng nhưng vô bệnh sau khi chết, có tư tưởng cũng không phải, mà nói không có tư tưởng cũng không được v.v...’

– Cho rằng ‘bản ngã này không có chỗ cuối cùng v.v...’

– Cho rằng ‘bản ngã này có chỗ cuối cùng cũng có, không có chỗ cuối cùng cũng có v.v...’

– Cho rằng ‘bản ngã này có chỗ cuối cùng cũng không phải mà nói không có chỗ cuối cùng cũng không phải, nhưng vô bệnh, sau khi chết, có tư tưởng cũng không phải, mà nói không có tư tưởng cũng không phải’.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn nào khi công bố về ‘kiến thức ở thời kỳ vị lai’, cũng công bố y như tám cách ấy chứ không ngoài tám nguyên nhân ấy đâu.

**4.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn thiên về ‘**đoạn kiến**’ công bố lên rằng ‘*chúng sanh khi sắc thân này tan rã thì bản ngã cũng mất luôn, tiêu diệt, không tái sanh lại ở đâu cả*’ đều do bảy nguyên nhân là:

– Cho rằng ‘bản ngã này có sắc tướng, do nơi cha mẹ mà sanh ra, nơi phối hiệp của tứ đại, khi sắc thân tan rã thì mất luôn, tiêu diệt luôn, không có tái sanh lại đâu cả’.

– Có một hạng người khác cho rằng: ‘Này người ơi! Người đừng tưởng rằng: bản ngã này không tiêu hoại, được trường tồn, sẽ có sắc thân khác nữa là bậc Chư Thiên cõi trời dục giới có đầy đủ vật thực, người đừng tưởng như vậy vô ích không thể nào có được đâu. Chính tôi đây thấy rõ bản ngã này khi tan rã rồi thì mất luôn, tiêu hoại không có tái sanh lại ở đâu cả’.[16]

– Có một hạng người khác cho rằng: ‘Này người ơi! Người nói bản ngã này có thật tôi không cãi đâu, nhưng người đừng tưởng rằng bãn ngã ấy trường tồn theo lý do ấy đâu. Chính tôi đây thấy rõ, có bản ngã khác là bậc Chư Thiên do thiền định mà phát sanh, có thủ túc và ngũ căn đầy đủ, mà người không thể nào thấy được: bản ngã ấy khi tan rã rồi thì mất luôn, tiêu diệt mất, không có tai sanh lại ở đâu cả, vì vậy mà tôi cho bản ngã con người đều tiêu diệt mất luôn’ (sau khi chết).

– Có một hạng người khác nữa cho rằng: ‘Này người ơi! Người nói bản ngã này có thật, tôi không cãi đâu, nhưng người đừng tưởng rằng: bản ngã ấy được trường tồn đâu. Chính tôi đây thấy rõ, có bản ngã khác nhập định Không vô biên thiên, lấy không gian vô tận làm cảnh giới, vì đã diệt những tư tưởng trong các sắc tướng: bản ngã ấy người không thế nào thấy được đâu, khi bản ngã ấy tan rã lúc nào thì mất luôn tiêu diệt mất, không có tái sanh lại ở đâu cả, vì vậy mà tôi cho bản ngã con người (sau khi chết) đều tiêu diệt mất’.

– Có một hạng người khác nữa nói rằng: ‘Này người ơi! Người nói bản ngã này có thật, tôi không cã đâu; nhưng người đừng tưởng rằng: bản ngã ấy được trường tồn. Chính tôi đây thấy rõ, có bản ngã khác nhập định Thức vô biên thiên, lấy tâm thức vô tận làm cảnh giới, bản ngã ấy người không thế nào thấy được, khi bản ngã ấy tan rã lúc nào thì mất luôn, tiêu diệt mất, không có tái sanh lại ở đâu cả, ở đâu cả, vì vậy mà tôi cho bản ngã con người (sau khi chết) đều tiêu diệt mất’.

---

[16] Người ấy chỉ có thấy được nội phạm vi của vị chư Thiên ấy khi chết thôi, chứ không có thấy được chư Thiên ấy sanh ra ở đâu, nên mới công bố như vậy.

– Có một hạng người khác nữa nói rằng: '... Chính tôi đây thấy rõ, có bản ngã khác nhập định vô sở hữu thiên, không lấy một vật chi thật vi tế để làm cảnh giới. Bản ngã ấy người không thể nào thấy được, khi bản ngã ấy tan rã lúc nào thì mất luôn, tiêu diệt mất không có tái sanh lại ở đâu cả, vì vậy mà tôi cho bản ngã con người (sau khi chết) đều tiêu diệt mất.

– Có một hạng người khác nữa nói rằng: '... Chính tôi đây thấy rõ, có bản ngã khác nhập định phi phi tưởng thiên lấy tư tưởng hết sức vi tế, hình như không có tư tưởng làm cảnh giới, đây là pháp vô cùng yên lặng, cao thượng quý báu. Bản ngã ấy người không thể nào thấy được, nhưng khi tan rã lúc nào thì mất luôn, tiêu diệt mất, không có tái sanh lại ở đâu cả, vì vậy mà tôi cho bản ngã con người (sau khi chết) đều tiêu diệt mất'.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn nào khi công bố về đoạn kiến (*uccheda vāda*) cũng tuyên bố y như bảy nguyên nhân ấy chớ không ngoài những nguyên nhân ấy đâu.

**5.** Này các thầy tỳ khưu, có một nhóm sa-môn và bà-la-môn thiên về '**kiến thức Níp-bàn tại thế**' (*diṭṭha dhamma nibbāna vāda*), cho là '*một đức lành rất cao thượng của chúng sanh hiện tại*', công bố lên do năm nguyên nhân là:

– Này các tỳ khưu, có một hạng người trong đời này, sa-môn hoặc bà-la-môn do sự hiểu biết nên nói như vầy: 'Này người ơi! Khi nào người được cung cấp, phụng sự đầy đủ năm môn ngũ trần cho thỏa thích, đó là người được hưởng Niết-bàn hiện tại vậy'.[17]

– Có một hạng người khác nói như vậy: 'Này người ơi! Người nói bản ngã này có thật tôi không chối cãi đâu, nhưng bản ngã ấy chưa hướng được Níp-bàn hiện tại, vì lý do được cung cấp đầy đủ ngũ trần đâu. Bởi vì ngũ trần ấy vô thường, khổ não, luôn luôn có sự biến chuyển sẽ làm cho ta khóc than mến tiếc, khổ thân, khổ tâm. Này người ơi! Khi nào con người được xa lánh ngũ trần và xa lìa các tội lỗi nhập vào sơ thiền có đầy đủ năm chi là: tầm, sát, phỉ lạc, an tịnh và định, như vậy mới gọi người ấy hưởng 'Níp-bàn hiện tại' đó là một đức lành rất cao thượng vậy'.

– Có một hạng người khác nói như vậy: 'Này các người ơi! Người cho rằng: khi nào đắc được sơ thiền, là hưởng 'Níp-bàn hiện tại' tôi không cãi đâu, nhưng thật ra tâm trong sơ thiền còn tầm và sát là pháp còn thô sơ, khi nào người dứt bỏ được tầm và sát rồi nhập vào nhị thiền tâm rất trong sạch chỉ còn

[17] Niết bàn này phần nhiều người thế gian đều có quan niệm như thế ấy (thuộc về duy vật).

phỉ lạc, an tịnh phát sanh do nơi tâm định. Như vậy mới gọi người ấy được hưởng "Níp-bàn hiện tại" đó là một đức lành rất quý báu vậy'.[18]

– Có một hạng người khác nữa nói như vậy: 'Này người ơi! Người cho rằng: khi nào đắc được nhị thiền là hưởng Níp-bàn hiện tại tôi không cãi đâu, nhưng thật ra tâm ở trong nhị thiền cũng còn thô sơ vì sự vui thích phỉ lạc. Khi nào dứt bỏ được phỉ lạc nhập vào tam thiền có sự ghi nhớ biết mình và hưởng sự an tịnh mà các bậc thánh nhân thường khen ngợi, như vậy mới gọi người ấy được hưởng Níp-bàn hiện tại'.

– Có một hạng người khác nữa nói như vậy: 'Này người ơi! Người cho rằng: khi nào đắc được tam thiền là hưởng Níp-bàn hiện tại, tôi không cãi đâu, nhưng thật ra tâm ở trong tam thiền còn thô sơ vì còn sự an tịnh. Khi nào dứt bỏ được sự an tịnh và khổ não (vì còn tương đối, hễ có vui thì có khổ) dứt cả sự vui khổ rồi nhập vào tứ thiền tâm không còn vui khổ chỉ còn tâm xả và sự ghi nhớ rất trong sạch thôi. Như vậy người ấy mới gọi rằng được hưởng Níp-bàn hiện tại'.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn nào công bố lên về sự hưởng 'Níp-bàn hiện tại' là một đức lành quý báu của chúng sanh hiện hữu, cũng tuyên bố do nơi năm nguyên nhân ấy, không ngoài năm nguyên nhân này đâu.

Này các thầy tỳ khưu, dầu cho nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn nào thuộc về tà kiến (thường kiến hoặc đoạn kiến) thường thấy ngũ uẩn quá khứ hoặc vị lai, do nơi sự hiểu biết khác nhau mà công bố lên nhiều thứ kiến thức cũng đều do nơi 62 nguyên nhân, không ngoài 62 nguyên nhân ấy đâu.

Này các thầy tỳ khưu, Như Lai biết rõ các kiến thức, biết rõ nguyên nhân phát sanh lên kiến thức[19], biết rõ người cố chấp theo kiến thức ấy sẽ đi về đâu trong ngày vị lai. Bởi vì Như Lai biết rõ những kiến thức như vậy rồi còn biết hơn đó nữa là: ân đức của giới, định, tuệ và Toàn giác nhờ biết thêm được những pháp cao siêu này mà Như Lai không cố chấp sai quấy, mới thấy rõ Níp-bàn là pháp diệt tận phiền não không còn dư sót.

Này các thầy tỳ khưu, Như Lai vì biết rõ nguyên nhân phát sanh lên cái 'thọ' (*vedanā*), sự diệt tắt cái thọ, sự tội lỗi của cái thọ, ân đức của thọ và cách giải thoát cái thọ đúng theo chân lý, nên Như Lai mới thoát khỏi ái dục, phiền não vì không cố chấp một pháp nào trong ngũ uẩn cả.

Này các thầy tỳ khưu, Như Lai biết rõ như vậy mới thuyết những pháp ấy lên được. Bởi vậy người thường nhơn khen ngợi tán dương ân đức Như Lai chỉ trong

---

[18] Vì sao mà có sự hiểu biết khác nhau như vậy? Bởi vì, mỗi người tùy theo khả năng khi đắc được tới mức nào thì khen ngợi tán dương bực ấy.

[19] Coi tiếp theo bài pháp này.

phạm vi giới hạnh chút ít thôi, chứ không thể nào hiểu thấu đến pháp sâu xa cao thượng mà con người rất khó thấy; khó giác ngộ là pháp yên lặng, quý báu, vi tế khó mà suy nghĩ cho thấu rõ được, chỉ trừ có bậc trí tuệ mới hiểu biết được thôi.

Này các thầy tỳ khưu, tất cả các nhóm sa-môn và bà-la-môn ấy hiểu lầm, thấy sai không đúng theo chân lý và hưởng lấy sự lầm lạc ấy do ái dục lôi cuốn, nên phải trở thành sợ hãi, nóng nảy, bực bội không sai.

Này các thày tỳ khưu, tất cả các nhóm sa-môn và bà-la-môn ấy tuyên bố nhiều thứ kiến thức khác nhau (đến 62 loại) cũng do nơi sự 'tiếp xúc' (*phassa*) là nguyên nhân để làm căn bản cho tâm mình.

Này các thầy tỳ khưu, tất cả các nhóm sa-môn và bà-la-môn ấy nếu xa lìa sự 'tiếp xúc' (*phassa*) đi mà nói còn hưởng thọ (*vedanā*) được cảnh giới (*ārammaṇa*) thì không đúng lý đâu. Này các thầy tỳ khưu, tất cả các nhóm sa-môn và bà-la-môn ấy khi hưởng lấy cái thọ cũng đều do nơi sự tiếp xúc của lục căn và lục trần. Khi có thọ là nguyên nhân rồi thì phát sanh ra 'ái' (*tanhā*), khi có ái thì có 'thủ', có thủ có 'hữu', có hữu thì có 'sanh', có sanh thì có 'già, đau, chết, buồn rầu, mến tiếc, khổ thân, khổ tâm' phát sanh lên, cũng do nơi sự sanh cả. Này các thầy tỳ khưu khi nào thầy tỳ khưu biết rõ nguyên nhân phát sanh lên, sự diệt tắt, tội lỗi, sự vui thích và phương pháp để giải thoát sự tiếp xúc của lục căn đúng theo chân lý, thì sẽ biết rõ những pháp cao thượng hơn những kiến thức (tà vạy) ấy.

Này các thầy tỳ khưu, tất cả các nhóm sa-môn hoặc bà-la-môn nào mà bị 62 thứ kiến thức ấy đè nén, lôi cuốn; khi nghe Như Lai thuyết ra, thì cũng như ở trong lưới, dính trong người. Vì như người thợ chài lưới rất rành nghề, vãi chài thật dày xuống nước và nghĩ rằng: bao nhiêu loại ở dưới nước lớn nhỏ gì cũng ở trong chài (lưới) của ta dính trong chài ta. Khi lên ngóp cũng ở trong chài ta như thế nào thì tất cả sa-môn và bà-la-môn nào bị 62 loại kiến thức đè nén, dính liếu, khi nghe Như Lai thuyết pháp, rồi thì cũng như bị ở trong chài (lưới), mắc trong chài kiến thức vậy.

Này các thầy tỳ khưu, ái dục dắt dẫn đi thọ sanh trong cảnh giới mới nữa, Như Lai đã diệt tận rồi, thân này còn lúc nào thì Chư Thiên nhân loại còn thấy. Khi thân này tan rã đi thì Chư Thiên nhân loại cũng không còn thấy nữa. Cũng như chùm xoài có năm trái mà cuống đã rụng đi rồi thì bao nhiêu xoài dính với cuống cũng không còn vậy.

Khi Đức Phật thuyết xong ĐĐ. Ānanda bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hết sức lạ, chưa từng có, pháp này gọi là pháp chi vậy?"

Này Ānanda, pháp này gọi là lý lưới (*atthajāla*)[20] cũng được, hoặc gọi là pháp lưới (*dhammajāla*), hoặc gọi là phạm lưới (*brahmamjāla*) (là lưới pháp cao quý),

[20] Pháp có ý nghĩa như bủa lưới.

hoặc gọi là kiến lưới (*diṭṭhajala*) (62 kiến thức như bủa lưới) hoặc gọi là thắng trận (*sangama vijaya*) (rất vẻ vang) cũng được.

Khi Đức Phật giảng xong, tất cả chư tăng đều hoan hỷ, đồng thời một vạn cõi sa bà đều rung rinh chuyển động vô cùng kỳ lạ.

### Giải nguyên nhân phát sanh lên kiến thức

Chỗ nói Như Lai biết rõ nguyên nhân phát sanh lên kiến thức có tám (Tam tạng quyển 21, trang 47 – 52) là:

– Do *khandha* - uẩn (cũng gọi là ấm) này mà tuyên bố lên những kiến thức sai lầm cũng có (như thấy được một uẩn trong kiếp quá khứ rồi công bố sự thấy của mình do nơi uẩn ấy).

– Do *avijjā* - vô minh, vì không thấy rõ chân lý, nên tâm thích theo cách nào thì công bố kiến thức theo cách ấy.

– *Phassa* - xúc, do sự tiếp xúc giữa căn và trần rồi công bố lên kiến thức do nơi sự tiếp xúc ấy (như tâm tiếp xúc với thiền định được sự an vui rồi cho đó là hưởng Níp-bàn hiện tại).

– *Saññā* - tưởng (quan niệm) do nơi tư tưởng của mình (như khi vào các cõi thiền vô sắc) rồi công bố sự hiểu thấy của mình theo các cõi thiền ấy cho là trường tồn v.v...

– Do *vitakka* - suy tầm (*thinker*) do nơi sự nghiên cứu, suy tầm, suy nghĩ rồi phát sanh kiến thức sai lầm (như suy nghĩ nếu con người được đầy đủ sự vui thú của ngũ trần là thiên đường hiện tại v.v...).

– Do *ayoniso manasikāra* - chú tâm sai lầm (như Phật nói vô thường, khổ não, vô ngã; mình thì thấy ngược lại cho rằng: trường tồn, vui thú, cái chi cũng của ta v.v...).

– Do *pāpa mitta* - bạn ác, khi thân cận bạn ác rồi thì lần lần hướng dẫn ta trên đường trụy lạc hiểu làm, thấy quấy.

– *Parato ghosa* - ngoại thinh, là do nơi tiếng nói của kẻ khác làm cho mình tin theo, nghe theo như tiếng giảng giải của bọn tà kiến, nếu mình không có trí xét đoán liền tin theo, nghe theo v.v...rồi phát sanh lên tà kiến theo họ.

Hơn nữa, có nhiều tôn phái cho rằng: con người (*atta* hay *atmaṃ*) là có một linh hồn bất di, bất diệt, trường cửu chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Khi mới nghe qua tiếng nói của người, mình cho có lý. Nhưng trái lại, Đức Phật cho rằng: "Ai nói thức uẩn hay linh hồn trường tồn bất di, bất diệt[21], thì người ấy gọi là

[21] Phật giải cho thầy tỳ khưu tên Sati Kevattaputta hiểu lầm vì thầy cho thức uẩn chuyển đi, truyền đi, thường tồn không gián đoạn, từ kiếp này sang qua kiếp khác cũng một thức đó.

hường kiến (*sassata diṭṭhi*) vì theo Phật giáo không có một vật chi trường tồn cả, không nói lâu, dầu trong một giây một sao cũng luôn luôn thay đổi sanh diệt liền liền không ngừng". Vì thức uẩn cũng do nguyên nhân mà phát sanh, khi nhân diệt thì thức cũng diệt (T.tạng quyển 22, trang 150 và quyển 24, trang 359).

## Chánh Kiến (Samma Diṭṭhi)

(T.Tạng quyển 20, trang 152)

Ta có nghe như vầy: một thuở nọ Đức Thế Tôn ngự tại chùa Bố Kim Tự của ông trưởng giả Cấp Cô Độc gần thành Xá Vệ (*Sāvatthī*).

Trong lúc ấy, ĐĐ. Xá-Lợi-Phất (*Sāriputta*) kêu các vị tỳ khưu mà nói rằng: Này đạo hữu, Đức Thế Tôn thường hay giảng về chánh kiến. Vậy chớ chánh kiến ấy ra sao? Này các đạo hữu, khi nào các bực Thanh văn biết rõ pháp ác, biết rõ pháp thiện, biết nguyên nhân của pháp ác và pháp thiện là người chánh kiến, tâm trong sạch không rung động trong giáo pháp của Đức Thế Tôn, pháp ác là thế nào? Này đạo hữu, sự sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói lời hung dữ (mắng chửi người), nói vô ích, tham lam, sân hận, si mê (tà kiến) đều là pháp ác. Còn nguyên nhân pháp ác là thế nào? Tham, sân, si là gốc rễ của pháp ác vậy. Này các đạo hữu, pháp thiện là thế nào? Tác ý xa lánh sự sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói hung dữ, nói vô ích, xa lánh sự tham lam, sân hận, si mê đó là pháp thiện. Còn gốc rễ của pháp thiện là thế nào? Sự không tham, không sân, không si đều là gốc rễ của pháp thiện vậy.

Này các đạo hữu, khi nào các bực Thanh văn thấy rõ như vậy, mới dứt bỏ được pháp ngủ ngầm trong tâm là: tình dục, bất bình, ngã mạng, tà kiến, vô minh; và làm cho minh triết (*vijjā*) phát sanh lên, mới dứt bỏ được sự khổ trong kiếp hiện tại được. Vì vậy mà các bậc Thanh văn trong sạch, không rung động trong giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Này các đạo hữu, khi nào các bậc Thanh văn biết rõ vật thực (*āhāra*) và nguyên nhân phát sanh vật thực, biết rõ sự diệt tắt và phương pháp thực hành để diệt tắt vật thực. Vật thực ấy là thế nào? Vật thực ấy có bốn là: *kavalinkar' āhāra* - vật thực hữu hình (như cơm, bánh trái v.v...); *phass' āhāra* - vật thực tiếp xúc (là sự tiếp xúc lục căn và lục trần là vật thực (nhân) để phát sanh lên thọ (*vedanā*); *mano sañcetan' āhāra* - tác ý vật thực (là sự suy tầm, lo nghĩ tạo tác trong tâm là vật thực (nhân) để phát sanh tam giới); *viññān' āhāra* - tâm thức vật thực (là tâm thức nguyên nhân để phát sanh lên danh sắc).

Ái dục (*tanhā*) là nguyên nhân để phát sanh lên bốn vật thực ấy. Diệt tắt ái dục đi thì bốn món vật thực ấy diệt tắt theo; con đường có tám ngã là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định là phương pháp thực hành để diệt tắt bốn món vật thực ấy.

Này các đạo hữu, khi nào các bậc Thanh văn biết rõ 'sự khổ', nguyên nhân phát sanh sự khổ, nơi diệt tắt sự khổ, sự thực hành để đi đến nơi diệt khổ. Này các đạo hữu, thầy tỳ khưu biết rõ sự khổ là thế nào? Sanh khổ, già khổ, chết khổ, khóc than khổ, bực tức khổ, gần nhân vật không ưa thích cũng khổ, xa lìa cảnh vật

thương mến, ưa thích cũng khổ, muốn mà không được cũng khổ, tóm lại có ngũ uẩn này là khổ.

Ái dục (*taṇhā*) là nguyên nhân phát sanh lên sự khổ, là dục ái, sắc ái, phi cảnh ái. Chúng sanh vì vui thích, say mê, ưa mến trong ái dục ấy nên mới bị 'khổ não' trong vòng sanh tử luân hồi. Diệt khổ (*nirodha*), là sự dứt bỏ, sự diệt tắt ái dục không còn dư sót, không mến tiếc nữa (cũng gọi Níp-bàn) nơi diệt khổ. Đạo diệu đế (ariya magga), là con đường Bát chánh đạo có tám chi để thực hành cho đến nơi diệt khổ. Này các đạo hữu, khi nào các bực Thanh văn biết rõ như vậy mới dứt bỏ pháp ngũ ngầm (*anusaya*), có chánh kiến trong sạch, mới không rung động trong giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Này các đạo hữu, thầy tỳ khưu nên thấy rõ sự già, sự chết, nơi phát sanh, nơi diệt tắt và sự thực hành để diệt tắt cái già, cái chết. Sự già sự chết là thế nào? Sự gầm mòn, sự tiều tụy tóc bạc, da nhăn, răng long má cóp, ngũ quan suy kém của chúng sanh nào gọi là sự già vậy. Sự chết là sự lìa bỏ xác thân, sự tan rã, sự mất đi, sự qua đời; sự quá vãng, sự tan rã ngũ uẩn, sự cắt bỏ mạng sống, sự để tử thi lại, đó là trạng thái của sự chết cả. Nơi phát sanh sự già, chết là sự sanh (*jāti*). Muốn diệt tắt sự già, chết thì phải diệt ngay sự sanh, con đường Bát chánh đạo để thực hành cho đến nơi diệt tắt sự sanh. Này các đạo hữu, hơn nữa thầy tỳ khưu nên thấy rõ sự sanh là: sự đầu thai, sự sanh ra rõ rệt, sự phát lộ ra ngũ uẩn, sự có đủ lục căn của chúng sanh ở cảnh đó, như thế gọi là sự sanh. Thầy tỳ khưu nên thấy rõ cái hữu (là cảnh giới - *bhava*), có ba là: cảnh dục, cảnh sắc, cảnh vô sắc (là cảnh giới để cho chúng sanh đi thọ sanh). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ cái thủ (cố chấp - *upādāna*), có bốn là: chấp về tình dục, chấp về kiến thức, chấp về lệ cúng tế, chấp ngã (cố chấp mới có cảnh giới tái sanh). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ ái dục (*taṇhā*) có sáu là: ái sắc, ái thinh, ái hương, ái vị, ái xúc, ái pháp (vì có ái dục mới sanh ra sự cố chấp (thủ). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ cái thọ (*vedanā*) có sáu là: nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ, ý thọ (vì có thọ (hưởng) mới có sanh ra ái dục). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ cái xúc (tiếp xúc) (*phassa*) có sáu là: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc (vì có tiếp xúc mới sanh ra thọ). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ lục căn (*āyataṇa*) là: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn (có lục căn mới phát sanh sự tiếp xúc được). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ danh sắc (*nāma-rūpa*) là: thọ, tưởng, xúc, tác ý, chú tâm gọi là danh; tứ đại: đất, nước, lửa, gió gọi là sắc (có danh sắc mới phát sanh ra lục căn). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ cái thức (*viññāna*) có sáu là: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức (có thức mới phát sanh ra danh sắc). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ cái hành (*sankhārā*) có ba là: thân hành, khẩu hành, ý hành (sự hành vi tạo tác) có hành mới phát sanh ra sự hiểu biết là thức). Thầy tỳ khưu nên thấy rõ vô minh (*avijjā*) là: sự không biết rõ cái khổ, không biết rõ nguyên nhân phát sanh lên cái khổ, không biết rõ Níp-bàn là nơi diệt tắt cái khổ, không biết rõ con

đường bát chánh thực hành theo để diệt tắt cái khổ (vì vô minh không thấy rõ lý tứ đế nên mới phát sanh sự hành vi đủ đều thiện ác).

Thầy tỳ khưu nên biết rõ pháp trầm luân (*āsava*) có ba là: trầm luân trong tình dục, trầm luân trong cảnh giới, trầm luân trong vô minh. Biết rõ nơi phát sanh pháp trầm luân là vô minh. Biết rõ khi diệt tắt vô minh thì pháp trầm luân cũng diệt tắt. Biết rõ con đường bát chánh để thực hành theo cho đến nơi diệt tắt pháp trầm luân (mấy pháp phía trước cũng biết rõ nguyên nhân phát sanh, nơi diệt tắt và con đường bát chánh thực hành theo cho đến nơi diệt tắt các pháp ấy, nghĩa là mỗi pháp đều thấy rõ lý Tứ diệu đế giống nhau hết thảy),

Này các đạo hữu, khi nào các bậc Thanh văn thấy rõ lý Tứ diệu đế trong các pháp ấy thì mới dứt bỏ các pháp ngũ ngầm (*anusaya*) như tình dục, bất bình, ngã mạng, tà kiến, vô minh không còn dư sót và làm cho minh triết (*vijjā*) phát sanh lên, mới có thể dứt khổ trong kiếp hiện tại được. Này các đạo hữu, các bậc Thanh văn đệ tử Phật là người có chánh kiến, có đức tin trong sạch, không rung động trong giáo pháp của Đức Thế Tôn, nhờ thấy rõ những pháp chánh kiến như thế ấy. Nếu các đạo hữu còn hoài nghi xin vào đảnh lễ Đức Thế Tôn, Ngài giải thế nào thì các thầy nên ghi nhớ lấy.

Khi ấy các vị tỳ khưu lấy làm vui thích lời của ĐĐ. Xá-Lợi-Phất giảng giải.

Xong các thầy vào đảnh lễ Đức Thế Tôn và bạch qua mọi lẽ. Đức Phật bèn phán rằng: "Xá-Lợi-Phất là bậc trí tuệ giảng giải rất đúng, nếu các thầy hỏi Như Lai thì Như Lai cũng giải y như Xá-Lợi-Phất vậy".

*Dứt chánh kiến*

*Soạn xong tại Bửu Quang Tự, Gò Dưa, Gia Định. Mùa thu năm Canh Tý, Pl.2504 – Dl.1960*

---

## Bá Nhẫn Kệ

Sự nóng giận rất nhiều mãnh lực
Khi phát lên tích cực vô cùng
Múa men la ó lung tung
Mặt xanh mắt đỏ giận run cả mình
Ráng dập tắt tánh tình sân hận
Tiền đức xưa căn dặn lắm lần
Người mà tánh nết không sân
Nhẫn ba-la-mật khỏe thân lạ thường
Người muốn thắng để nhường người thắng
Hay giỏi chi cứng rắn tranh đời
Làm thinh chẳng thốt một lời
Giữ tâm nhẫn nại không rời Phật ngôn
Đói khát vẫn ôn tồn thái độ
Hoặc tham, sân đau khổ si mê
Nhịn sự vui thú ngỏa nguê
Nhịn luôn những tiếng khen chê của đời
Nhịn cả thảy những lời đâm thọc
Nóng lạnh cùng rắn độc các loài
Rủi ro gặp lúc nạn tai

Cũng đều nhịn hết chẳng sai tấc lòng
Nhịn luôn cả muỗi mòng gió nắng
Mới gọi là bá nhẫn trăm lần
Phước báu to lớn muôn phần
Theo lời Phật dạy ân cần suy tôn
Có pháp nhẫn duy tồn của quý
Cả thảy ai thượng trí trong đời
Sửa trao sắc đẹp cho người
Đều do nhẫn nại pháp thời thật cao
Pháp nhẫn nại khác nào kiều, lộ
Hoặc ví như xe cộ rước người
Hiền nhơn trí thức trên đời
Sanh về nhàn cảnh cõi trời thiếu chi
Nếu gồm đủ nhiều khi phước đức
Nhập Niết-bàn lập tức chẳng sai
Nhẫn nại hạnh phúc hỡi ai!
Không hao của cải phước hoài chảy vô
Mọi người thảy hoan hô khen ngợi
Đến xứ nào được lợi như thường
Chư Thiên, người thảy đều thương
Do nhờ nhẫn nại thường thường quen tâm
Xin nhắc nhở người tâm đạo đức
Trí giới và gắng sức tham thiền
Bố thí nhẫn nại chẳng kiên
Bao nhiêu công quả phước điền như không.[22]

*Soạn tại Kratie, mùa xuân Canh Tý 1960*

*– Dứt tác phẩm 11. Tà kiến và chánh kiến –*

[22] Người bố thí, trì giới, tham thiền mà không nhẫn nại, mỗi chút mỗi sân có khi vì sân hận thóa mạ cả Tam bảo, hãm hại các bậc thánh nhơn thì bao nhiêu công quả ấy cũng như thiêu đốt hết.